

Số: /TB-ĐHGD

Hà Nội, ngày tháng 05 năm 2024

**THÔNG BÁO TUYỂN SINH
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024**

Căn cứ Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT, ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh đại học chính quy tại ĐHQGHN ban hành kèm theo Quyết định số 1328/QĐ-ĐHQGHN, ngày 18/4/2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1139/QĐ-BGDĐT, ngày 15/4/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh đại học năm 2024;

Căn cứ Kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh đại học năm 2024 của Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành theo Công văn số 1533/ĐHQGHN-ĐT ngày 17/04/2024;

Căn cứ Quyết định số 585/QĐ-ĐHQGHN, ngày 01/03/2024 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc giao chỉ tiêu tuyển sinh đại học chính quy, thạc sĩ, tiến sĩ năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 766/QĐ-ĐHGD, ngày 12/03/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Giáo dục về việc phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh đại học chính quy, sau đại học năm 2024;

Căn cứ Đề án tuyển sinh trình độ đại học năm 2024 của Trường Đại học Giáo dục ban hành theo Công văn số 1149/ĐHGD-ĐT, ngày 24/04/2024, của Hiệu trưởng Trường Đại học Giáo dục,

Trường Đại học Giáo dục (ĐHGD), Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) ban hành Thông báo tuyển sinh đại học chính quy năm 2024 gồm các nội dung sau.

I. Thông tin chung về cơ sở đào tạo

1. Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Giáo dục

2. Mã trường: QHS

3. Địa chỉ các trụ sở:

- Nhà G7. Số 144 Xuân Thủy, Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội.
- Nhà C0. Số 182 Lương Thế Vinh, Thanh Xuân, Hà Nội.
- Cơ sở Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hoà Lạc.

Trường ĐHGD là cơ sở đào tạo đại học và nghiên cứu chất lượng cao, trình độ cao trong lĩnh vực khoa học và công nghệ giáo dục, ứng dụng cho đào tạo giáo viên, cán bộ quản lý và các nhóm nhân lực khác trong lĩnh vực giáo dục. Với triết lý giáo dục của nhà trường là nhân bản và khai phóng, hướng đến mục tiêu giáo dục là đào tạo người học có nhân cách trưởng thành, vững kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề trong công việc.

Sinh viên tốt nghiệp Trường ĐHGD sẽ là những người có đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm quốc gia và khát vọng cống hiến; có kỹ năng giao tiếp, làm chủ công nghệ, thích ứng trong môi trường hội nhập chuyển đổi số; có kiến thức cơ bản về lĩnh vực Khoa học Giáo dục và Đào tạo giáo viên; có tư duy phản biện, sáng tạo, khả năng giải quyết vấn đề phức tạp; tận tâm, chuyên nghiệp, hợp tác.

Trường ĐHGD là đơn vị thành viên của ĐHQGHN, vì vậy ngoài cơ sở vật chất nhà trường trực tiếp quản lý, nhà trường được sử dụng chung cơ sở vật chất (Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, thư viện, ký túc xá trung tâm học liệu, trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập) của ĐHQGHN.

Sinh viên năm thứ nhất các ngành đào tạo giáo viên (GD1, GD2, GD4, GD5) học tại Hoà Lạc. Sau khi học xong năm thứ nhất, các sinh viên này sẽ tiếp tục học các năm tiếp theo tại nội thành Hà Nội.

Sinh viên các ngành thuộc nhóm ngành Khoa học giáo dục và khác (GD3): Trong các năm thứ 2, 3 có thể có một số buổi học kỹ năng, thực hành tại cơ sở Hòa Lạc.

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo: <http://education.vnu.edu.vn/>

5. Địa chỉ trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo

<https://www.facebook.com/education.vnu.edu.vn>

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 84-247 3017 123, máy lẻ 1102 (phòng Công tác Học sinh sinh viên); máy lẻ 1103 (phòng Đào tạo).

II. Tuyển sinh trình độ đại học, hệ chính quy năm 2024

Sinh viên Trường ĐHGD có cơ hội học bằng kép các ngành đào tạo khác trong Trường hoặc các ngành đào tạo của các đơn vị đào tạo khác thuộc ĐHQGHN như: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Ngoại ngữ, Trường Đại học Luật.

Sinh viên các ngành sư phạm được Nhà nước hỗ trợ kinh phí để đóng học phí và hỗ trợ sinh hoạt phí. Thủ tục, tiêu chuẩn được hỗ trợ thực hiện theo quy định của Nhà nước.

Sinh viên đại học chính quy của Trường ĐHGD được tiếp cận các quỹ học bổng của trường, của ĐHQGHN và của các nhà tài trợ khác nhau với nhiều mức khác nhau.

Ngoài ra, nhà trường còn có nhiều vị trí thực tập làm bán thời gian có trả công dành cho các sinh viên đáp ứng tiêu chí chọn.

1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

1.1. Đối tượng tuyển sinh

Đối tượng tuyển sinh được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức), bao gồm:

- a) Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;
- b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

1.2. Điều kiện tuyển sinh

Thí sinh thuộc đối tượng quy định tại khoản 1.1 phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định;
- b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

2. Phạm vi tuyển sinh: Trong cả nước.

3. Các nhóm ngành/ngành tuyển sinh

a) Trường ĐHGD tuyển sinh theo nhóm ngành, sau khi học xong năm thứ nhất, Trường thực hiện phân ngành cho sinh viên thuộc các nhóm ngành GD1; GD2; GD3. Thí sinh xem thông tin phân ngành các nhóm ngành GD1; GD2; GD3 tại Phụ lục 5 của Đề án này.

b) Các nhóm ngành tuyển sinh năm 2024 của Trường ĐHGD, bao gồm:

+/ Nhóm ngành Sư phạm Toán và Khoa học tự nhiên (mã nhóm ngành: GD1), gồm các ngành: Sư phạm Toán học; Sư phạm Vật lý; Sư phạm Hóa học; Sư phạm Sinh học; Sư phạm Khoa học Tự nhiên.

+/ Nhóm ngành Sư phạm Ngữ văn, Lịch sử, Lịch sử và Địa lý (mã nhóm ngành: GD2), gồm các ngành: Sư phạm Ngữ văn; Sư phạm Lịch sử; Sư phạm Lịch sử - Địa lý.

+/ Nhóm ngành Khoa học giáo dục và khác (mã nhóm ngành: GD3), gồm các ngành: Quản trị trường học; Quản trị chất lượng giáo dục; Khoa học giáo dục; Quản trị công nghệ giáo dục; Tham vấn học đường; Tâm lý học (chuyên ngành Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên).

+/ Ngành Giáo dục Tiểu học (mã ngành: GD4).

+/ Ngành Giáo dục Mầm non (mã ngành: GD5).

3. Phương thức tuyển sinh năm 2024

3.1. Xét tuyển đợt 1

a) Thí sinh thuộc đối tượng xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và dự bị đại học (Nghị định 30a/NĐ-CP): Thực hiện xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, Quy định cơ chế đặc thù trong tuyển sinh của ĐHQGHN và các quy định tại mục 9 của Thông báo này.

b) Thí sinh sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 đạt ngưỡng đầu vào do ĐHQGHN quy định.

c) Thí sinh có kết quả thi đánh giá năng lực học sinh THPT do ĐHQGHN tổ chức đạt tối thiểu 80/150 điểm.

d) Các phương thức tuyển sinh khác:

- Thí sinh có kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh đạt tối thiểu 750/1200 điểm.

- Thí sinh có chứng chỉ quốc tế của Trung tâm Khảo thí Đại học Cambridge, Anh (Cambridge International Examinations A-Level, UK; sau đây gọi tắt là chứng chỉ A-Level): Thí sinh có kết quả 3 môn thi trong đó bắt buộc có môn Toán hoặc Ngữ văn theo các tổ hợp quy định của ngành đào tạo tương ứng đảm bảo mức điểm mỗi môn thi đạt tối thiểu 60/100 điểm (tương ứng điểm C, PUM range ≥ 60).

- Thí sinh có kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ) đạt tối thiểu 1100/1600 điểm. Mã đăng ký của ĐHQGHN với tổ chức thi SAT (The College Board) là 7853-Vietnam National University-Hanoi (thí sinh cần khai báo mã đăng ký trên khi đăng ký thi SAT).

- Thí sinh có kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa ACT (American College Testing) đạt tối thiểu 22/36 điểm.

- Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh IELTS từ 5.5 trở lên hoặc các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương (*quy định trong Phụ lục 3a*) hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế khác (*quy định tại Phụ lục 3b*) và có tổng điểm 2 môn thi còn lại trong tổ hợp xét 3 tuyển đạt tối thiểu 14 điểm trong kỳ thi THPT năm 2024 (trong đó bắt buộc có môn Toán hoặc môn Ngữ văn, riêng khối ngành sức khỏe điểm 2 môn còn lại trong tổ hợp xét tuyển đạt tối thiểu 16 điểm).

Nguyên tắc xét tuyển: Quy đổi điểm ngoại ngữ sang thang điểm 10 cộng với điểm 2 môn còn lại trong tổ hợp xét tuyển và xét từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu công bố (đơn vị có thể quy định thêm các tiêu chí phụ).

Các chứng chỉ quốc tế, chứng nhận kết quả thi đánh giá năng lực phải còn hạn sử dụng tính đến ngày đăng ký xét tuyển (thời hạn sử dụng 02 năm kể từ ngày dự thi).

Danh mục các phương thức xét tuyển (PTXT) sử dụng trong tuyển sinh ĐHCQ năm 2024 bao gồm:

<i>TT</i>	<i>Mã PTXT</i>	<i>Tên phương thức xét tuyển (PTXT)</i>	<i>Nhóm ngành /ngành tuyển sinh</i>	<i>Ghi chú</i>
1.	100	Kết quả thi tốt nghiệp THPT 2024	- Sư phạm Toán và Khoa học tự nhiên (mã nhóm ngành: GD1); - Sư phạm Ngữ văn, Lịch sử, Lịch sử và Địa lý (mã nhóm ngành: GD2); - Khoa học giáo dục và khác (mã nhóm ngành: GD3); - Giáo dục Tiểu học (mã ngành: GD4); - Giáo dục Mầm non (mã ngành: GD5)	Xét tuyển kết quả thi THPT
2.	301	Tuyển thẳng theo Quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8), xét tuyển theo Nghị định 30a/NĐ-CP		Xét tuyển thẳng
3.	303	Tuyển thẳng theo Quy định của ĐHQGHN		Xét tuyển sớm
4.	401	Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQGHN		
5.	402	Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG Tp HCM		
6.	408	Sử dụng chứng chỉ quốc tế (SAT; A-Level; ACT) để xét tuyển		
7.	409	Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế		
8.	411	Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài		
9.	500	Phương thức xét tuyển khác, gồm: - Ưu tiên xét tuyển theo Quy định của Bộ - Ưu tiên xét tuyển theo Quy định của ĐHQGHN		

3.2. Xét tuyển Đợt bổ sung

Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh, số thí sinh trúng tuyển đã xác nhận nhập học vào Trường sau khi xét tuyển đợt 1, HĐTS công bố tuyển sinh đợt bổ sung (nếu có).

+ *Đợt xét tuyển bổ sung thứ nhất (nếu có)*: Đợt xét tuyển bổ sung thứ nhất (nếu có): Trường ĐHGD thông báo kế hoạch xét tuyển đợt bổ sung thứ nhất (nếu có) sau khi xét tuyển xong đợt 1 và theo kế hoạch chung của ĐHQGHN. Xét tuyển đợt bổ sung được thực hiện nếu chỉ tiêu còn lại lớn hơn 10% tổng chỉ tiêu, có địa phương đăng ký đặt hàng và cam kết hỗ trợ kinh phí đào tạo. Chỉ sử dụng Phương thức xét tuyển theo kết quả tổ hợp các môn thi/bài thi THPT theo điểm chuẩn và các điều kiện đã xác định từ Đợt 1, tất cả thí sinh đăng ký xét tuyển đáp ứng đủ điều kiện như Đợt 1 sẽ được xét tuyển theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

+ *Đợt xét tuyển bổ sung thứ hai (nếu có)*: Dự kiến được thực hiện sau khi xét tuyển bổ sung đợt 1: Nếu chỉ tiêu còn lại lớn hơn 10% tổng chỉ tiêu, có địa phương đăng ký đặt hàng và cam kết hỗ trợ kinh phí đào tạo. Chỉ sử dụng phương thức xét tuyển theo kết quả tổ hợp các môn thi/bài thi THPT theo điểm chuẩn và các điều kiện đã xác định từ Đợt 1, tất cả thí sinh đăng ký xét tuyển đáp ứng đủ điều kiện như Đợt 1 sẽ được xét tuyển theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

4. Phương thức và tổ hợp xét tuyển tương ứng của từng phương thức

Mã trường	Mã nhóm ngành xét tuyển	Tên nhóm ngành xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Chi tiêu dự kiến	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4		Ghi chú
						Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
QHS	GD1	Sư phạm Toán và Khoa học tự nhiên Gồm 5 ngành: - Sư phạm Toán học; - Sư phạm Vật lý; - Sư phạm Hoá học; - Sư phạm Sinh học; - Sư phạm Khoa học tự nhiên			215*									
			Kết quả thi tốt nghiệp THPT 2024	100	143*	A00		A01		B00		D01		SV được phân ngành sau khi kết thúc 2 học kỳ chính của năm thứ nhất
			Tuyển thẳng theo Quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	301	5*	S31								SV được ưu tiên phân ngành theo Quyết định trúng tuyển thẳng
			Tuyển thẳng theo Quy định của ĐHQGHN	303	5*	S33								SV được ưu tiên phân ngành theo Quyết định trúng tuyển thẳng
QHS	GD1		Xét tuyển	401	40*	Q00								

Mã trường	Mã nhóm ngành xét tuyển	Tên nhóm ngành xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu dự kiến	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4		Ghi chú
						Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
		Sư phạm Toán và Khoa học tự nhiên Gồm 5 ngành: - Sư phạm Toán học; - Sư phạm Vật lý; - Sư phạm Hoá học; - Sư phạm Sinh học; - Sư phạm Khoa học tự nhiên	kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQGHN											SV được phân ngành sau khi kết thúc 2 học kỳ chính của năm thứ nhất
			Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG Tp HCM	402	5*	Q42								
			Sử dụng chứng chỉ quốc tế (SAT; A-Level; ACT)	408	5*	S48								
			Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế	409	5*	S49								
QHS	GD1	Sư phạm Toán và Khoa học tự nhiên Gồm 5 ngành:	Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp	411	2*	S41								SV được phân ngành sau khi kết

Mã trường	Mã nhóm ngành xét tuyển	Tên nhóm ngành xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu dự kiến	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4		Ghi chú
						Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
		- Sư phạm Toán học; - Sư phạm Vật lý; - Sư phạm Hoá học; - Sư phạm Sinh học; - Sư phạm Khoa học tự nhiên	THPT nước ngoài											thức 2 học kỳ chính của năm thứ nhất
			Phương thức xét tuyển khác	500	5*	S50								
QHS	GD2	Sư phạm Ngữ văn, Lịch sử, Lịch sử - Địa lý. Gồm 3 ngành: - Sư phạm Ngữ văn; - Sư phạm Lịch sử; - Sư phạm Lịch sử - Địa lý			125*									
			Kết quả thi tốt nghiệp THPT 2024	100	76*	C00		D14		D15		D01		SV được phân ngành sau khi kết thúc 2 học kỳ chính của năm thứ nhất
			Tuyển thẳng theo Quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	301	3*	S31								SV được ưu tiên phân ngành theo Quyết định trúng tuyển thẳng
QHS	GD2	Sư phạm Ngữ văn, Lịch sử, Lịch sử - Địa lý. Gồm 3 ngành:	Tuyển thẳng theo Quy định	303	3*	S33								SV được ưu tiên phân ngành theo Quyết định

Mã trường	Mã nhóm ngành xét tuyển	Tên nhóm ngành xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Chi tiêu dự kiến	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4		Ghi chú
						Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
		- Sư phạm Ngữ văn; - Sư phạm Lịch sử; - Sư phạm Lịch sử - Địa lý	của ĐHQGHN											trúng tuyển thẳng
			Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQGHN	401	28*	Q00								SV được phân ngành sau khi kết thúc 2 học kỳ chính của năm thứ nhất
			Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG Tp HCM	402	3*	Q42								
			Sử dụng chứng chỉ quốc tế (SAT; A-Level; ACT)	408	3*	S48								
QHS	GD2	Sư phạm Ngữ văn, Lịch sử, Lịch sử - Địa lý. Gồm 3 ngành: - Sư phạm Ngữ văn; - Sư phạm Lịch sử;	Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế	409	4*	S49								SV được phân ngành sau khi kết thúc 2 học kỳ chính

Mã trường	Mã nhóm ngành xét tuyển	Tên nhóm ngành xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu dự kiến	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4		Ghi chú
						Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
		- Sư phạm Lịch sử - Địa lý	Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài	411	2*	S41								của năm thứ nhất
			Phương thức xét tuyển khác	500	3*	S50								
QHS	GD3	Khoa học giáo dục và khác. Gồm 6 ngành: - Khoa học giáo dục; - Tham vấn học đường; - Quản trị chất lượng giáo dục; - Quản trị trường học; - Quản trị công nghệ giáo dục; - Tâm lý học (chuyên ngành Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên)			650									
			Kết quả thi tốt nghiệp THPT 2024	100	320	A00		B00		C00		D01		SV được phân ngành sau khi kết thúc 2 học kỳ chính của năm thứ nhất
			Tuyển thẳng theo Quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	301	30	S31								SV được ưu tiên phân ngành theo Quyết định trúng tuyển thẳng
			Tuyển thẳng theo	303	30	S33								SV được ưu tiên phân

Mã trường	Mã nhóm ngành xét tuyển	Tên nhóm ngành xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu dự kiến	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4		Ghi chú
						Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
			Quy định của ĐHQGHN											ngành theo Quyết định trúng tuyển thẳng
			Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQGHN	401	150	Q00								SV được phân ngành sau khi kết thúc 2 học kỳ chính của năm thứ nhất
QHS	GD3	Khoa học giáo dục và khác. Gồm 6 ngành: - Khoa học giáo dục; - Tham vấn học đường; - Quản trị chất lượng giáo dục; - Quản trị trường học; - Quản trị công nghệ giáo dục; - Tâm lý học (chuyên ngành Tâm lý học lâm	Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG Tp HCM	402	30	Q42								SV được phân ngành sau khi kết thúc 2 học kỳ chính của năm thứ nhất
			Sử dụng chứng chỉ quốc tế (SAT; A-Level; ACT)	408	20	S48								
			Kết hợp kết quả thi	409	30	S49								

Mã trường	Mã nhóm ngành xét tuyển	Tên nhóm ngành xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Chi tiêu dự kiến	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4		Ghi chú
						Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
		sàng trẻ em và vị thành niên)	tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế											
			Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài	411	10	S41								
			Phương thức xét tuyển khác	500	30	S50								
QHS	GD4	Giáo dục Tiểu học			90									
			Kết quả thi tốt nghiệp THPT 2024	100	63*	A00		B00		C00		D01		
			Tuyển thẳng theo Quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	301	2*	S31								
			Tuyển thẳng theo	303	1*	S33								

Mã trường	Mã nhóm ngành xét tuyển	Tên nhóm ngành xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Chi tiêu dự kiến	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4		Ghi chú
						Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
			Quy định của ĐHQGHN											
QHS	GD4	Giáo dục Tiểu học	Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQGHN	401	19*	Q00								
			Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG Tp HCM	402	1*	Q42								
			Sử dụng chứng chỉ quốc tế (SAT; A-Level; ACT) để xét tuyển	408	1*	S48								
			Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với	409	1*	S49								

Mã trường	Mã nhóm ngành xét tuyển	Tên nhóm ngành xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu dự kiến	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4		Ghi chú
						Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
			chứng chỉ quốc tế											
QHS	GD4	Giáo dục Tiểu học	Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài	411	1*	S41								
			Phương thức xét tuyển khác	500	1*	S50								
QHS	GD5	Giáo dục Mầm non			70*									
			Kết quả thi tốt nghiệp THPT 2024	100	44*	A00		B00		C00		D01		
			Tuyển thẳng theo Quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	301	1*	S31								
QHS	GD5	Giáo dục Mầm non	Tuyển thẳng theo Quy định	303	1*	S33								

Mã trường	Mã nhóm ngành xét tuyển	Tên nhóm ngành xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Chi tiêu dự kiến	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4		Ghi chú
						Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
			của ĐHQGHN											
			Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQGHN	401	19*	Q00								
			Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG Tp HCM	402	1*	Q42								
			Sử dụng chứng chỉ quốc tế (SAT; A-Level- ACT) để xét tuyển	408	1*	S48								
QHS	GD5	Giáo dục Mầm non	Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với	409	1*	S49								

Mã trường	Mã nhóm ngành xét tuyển	Tên nhóm ngành xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu dự kiến	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4		Ghi chú
						Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
			chứng chỉ quốc tế											
			Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài	411	1*	S41								
			Phương thức xét tuyển khác	500	1*	S50								
		Tổng cộng			1150									

Lưu ý: ^a Sinh viên trúng tuyển vào một trong các nhóm ngành GD1 (Sư phạm Toán và Khoa học tự nhiên); GD2 (Sư phạm Ngữ văn, Lịch sử, Lịch sử - Địa lý); GD3 (Khoa học giáo dục và khác) được Nhà trường thực hiện phân ngành cho sinh viên sau khi học xong năm thứ nhất. Quy định chi tiết về các điều kiện, nguyên tắc và cách thức phân ngành, thí sinh xem tại *Phụ lục 5* của Thông báo này.

* Chỉ tiêu dự kiến do ĐHQGHN giao. Chỉ tiêu chính thức các ngành sẽ được điều chỉnh (nếu cần) sau khi có quyết định giao chỉ tiêu sư phạm năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến

STT	Ngành	Chỉ tiêu dự kiến	Ghi chú
I	Đào tạo giáo viên	500*	
1	Sư phạm Toán	50*	Nhóm ngành GD1
2	Sư phạm Vật lý	25*	
3	Sư phạm Hoá học	25*	
4	Sư phạm Sinh học	25*	
5	Sư phạm Khoa học tự nhiên	90*	
6	Sư phạm Ngữ văn	50*	Nhóm ngành GD2
7	Sư phạm Lịch sử	25*	
8	Sư phạm Lịch sử-Địa lý	50*	
9	Giáo dục tiểu học	90*	Nhóm ngành GD4
10	Giáo dục mầm non	70*	Nhóm ngành GD5
II	Khoa học giáo dục và khác	650	
1	Quản trị chất lượng giáo dục	125	Nhóm ngành GD3
2	Quản trị công nghệ giáo dục	125	
3	Quản trị trường học	120	
4	Khoa học giáo dục	60	
5	Tham vấn học đường	120	
6	Tâm lý học (chuyên ngành Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên)	100	
	Tổng	1150	

* Chỉ tiêu dự kiến do ĐHQGHN giao. Chỉ tiêu chính thức các ngành sẽ được điều chỉnh (nếu cần) sau khi có quyết định phân chỉ tiêu sư phạm năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Phân bổ chỉ tiêu:

- + 65% cho phương thức sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT;
- + 30% cho phương thức sử dụng kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN, ĐHQG Tp HCM;
- + 5% cho các phương thức còn lại.

Trong trường hợp các phương thức xét tuyển sớm không tuyển đủ chỉ tiêu được phân bổ, số chỉ tiêu còn lại sẽ được chuyển sang các phương thức khác.

6. Các tổ hợp xét tuyển theo phương thức xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 (mã 100)

ST T	Mã trường	Ngành học	Tên nhóm ngành	Mã nhóm ngành	Tổ hợp môn thi/bài thi THPT	Quy định trong xét tuyển
1	QHS	Sư phạm Toán	Sư phạm Toán và Khoa học Tự nhiên	GD1	Toán, Vật lý, Hóa học (A00) Toán, Vật lý, Tiếng Anh (A01) Toán, Hóa học, Sinh học (B00) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01)	Sau khi hoàn thành các học phần chung bắt buộc trong năm thứ nhất sẽ phân ngành.
2		Sư phạm Vật lý				
3		Sư phạm Hóa học				
4		Sư phạm Sinh học				
5		Sư phạm Khoa học Tự nhiên				
6		Sư phạm Ngữ Văn	Sư phạm Ngữ văn, Lịch sử, Lịch sử - Địa lý	GD2	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01) Ngữ văn, Lịch Sử, Địa lý (C00)	
7		Sư phạm Lịch sử			Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh (D14)	
8		Sư phạm Lịch sử - Địa lý			Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh (D15)	
9	QHS	Quản trị trường học	Khoa học giáo dục và khác	GD3	Toán, Vật lý, Hóa học (A00) Toán, Hóa học, Sinh học (B00) Ngữ văn, Lịch Sử, Địa lý (C00) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01)	
10		Quản trị công nghệ giáo dục				
11		Quản trị chất				

ST T	Mã trường	Ngành học	Tên nhóm ngành	Mã nhóm ngành	Tổ hợp môn thi/bài thi THPT	Quy định trong xét tuyển
		lượng giáo dục				
12		Tham vấn học đường				
13		Khoa học giáo dục				
14		Tâm lý học (chuyên ngành Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên)				
15	QHS	Giáo dục Tiểu học		GD4	Toán, Vật lý, Hóa học (A00) Toán, Hóa học, Sinh học (B00) Ngữ văn, Lịch Sử, Địa lý (C00) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01)	
16	QHS	Giáo dục Mầm non		GD5	Toán, Vật lý, Hóa học (A00) Toán, Hóa học, Sinh học (B00) Ngữ văn, Lịch Sử, Địa lý (C00) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01)	

Ghi chú: Đối với các nhóm ngành/ngành có sử dụng tổ hợp xét tuyển: D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh); D14 (Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh); D15 (Ngữ văn, Địa

lý, Tiếng Anh) hoặc A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh), thí sinh có thể sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ hợp lệ để quy đổi sang điểm môn Tiếng Anh phục vụ xét tuyển theo phương thức xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024, chi tiết danh mục ngoại ngữ hợp lệ và nguyên tắc quy đổi có trong *Phụ lục 4* kèm theo Thông báo này. Khi đăng ký xét tuyển trên Hệ thống tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, thí sinh phải khai báo và đề nghị sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ để quy đổi sang điểm môn Tiếng Anh khi xét tuyển, kèm theo minh chứng chứng chỉ hợp lệ.

7. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển

1. Ngưỡng đầu vào đối với ngành đào tạo giáo viên do Bộ GD&ĐT công bố hàng năm cho các phương thức tuyển sinh đào tạo hình thức chính quy sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT. Căn cứ ngưỡng đầu vào của Bộ GD&ĐT, HĐTS Trường ĐHGĐ quy định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào tương ứng đối với thí sinh sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 để xét tuyển.

2. Đối với phương thức tuyển sinh không sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT, thí sinh đạt ngưỡng đầu vào đối với ngành đào tạo giáo viên khi: Học lực lớp 12 xếp loại từ giỏi trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên.

3. Thí sinh đã tốt nghiệp trình độ trung cấp trở lên cùng nhóm ngành dự tuyển được áp dụng quy định ngưỡng đầu vào như sau: Đối với thí sinh dự tuyển vào đại học nhóm ngành đào tạo giáo viên ngưỡng đầu vào được áp dụng một trong các tiêu chí sau:

- Học lực lớp 12 đạt loại giỏi trở lên hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 8,0 trở lên;
- Tốt nghiệp THPT loại giỏi trở lên hoặc học lực lớp 12 đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;
- Tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học đạt loại giỏi trở lên;
- Tốt nghiệp trình độ trung cấp, hoặc trình độ cao đẳng hoặc trình độ đại học đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;

4. Căn cứ yêu cầu đảm bảo chất lượng, ĐHQGHN xác định ngưỡng đầu vào chung cho các ngành trong toàn ĐHQGHN, trên cơ sở này, Trường ĐHGĐ xác định và công bố ngưỡng đầu vào cho các nhóm ngành, chương trình đào tạo và phương thức tuyển sinh trước ngày 22/07/2024. Đối với ngưỡng đầu vào ngành đào tạo giáo viên có ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào không được thấp hơn quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 mục 7 của Thông báo này.

Nếu điểm trúng tuyển năm trước của nhóm ngành/ngành, chương trình đào tạo cao hơn ngưỡng đầu vào từ 3 điểm trở lên thì ngưỡng đầu vào của những ngành đó có mức điểm cao hơn ngưỡng đầu vào chung của Trường.

8. Tổ chức tuyển sinh

Thời gian; hình thức, điều kiện nhận hồ sơ xét tuyển; các điều kiện xét tuyển thực hiện Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của ĐHQGHN. Kế hoạch tổ chức tuyển sinh và quy trình xét tuyển sẽ được cập nhật trên Cổng Thông tin điện tử của Trường tại địa chỉ:

<https://education.vnu.edu.vn/index.php/WebControl/listnews/15/0>

8.1. Tổ chức xét tuyển thẳng; xét tuyển sớm (các phương thức xét tuyển có mã: 301; 303; 401; 402; 408; 409; 411; 500)

i) Trước 17h00, ngày 30/06/2024 (tính theo dấu bưu điện): **Thí sinh nộp Hồ sơ đăng ký xét tuyển** bằng cách nộp trực tiếp hoặc gửi đảm bảo, chuyển phát nhanh theo đường bưu điện về Trường ĐHQGHN (Địa chỉ: *Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội, phòng 103, nhà G7, số 144, Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội*).

Hồ sơ đăng ký xét tuyển bao gồm:

- 01 đơn đăng ký xét tuyển (theo mẫu đính kèm). Thí sinh lưu ý chọn đúng mẫu đơn đăng ký.
- 01 Giấy chứng nhận giải thưởng đạt được hoặc chứng chỉ quốc tế (theo đối tượng đăng ký xét tuyển).
- 01 bản sao công chứng học bạ THPT (tính đến thời điểm nộp hồ sơ).
- Bản sao công chứng các minh chứng về đối tượng ưu tiên; khu vực ưu tiên xét tuyển (nếu có).

ii) Trước ngày 10/07/2024: Hoàn thành công tác xét tuyển thẳng; xét tuyển sớm; Báo cáo BCD tuyển sinh và thông báo kết quả xét tuyển thẳng; xét tuyển sớm cho thí sinh (qua Website Trường); Cập nhật danh sách thí sinh trúng tuyển thẳng; trúng tuyển sớm (**trừ điều kiện tốt nghiệp THPT và điều kiện ngưỡng đảm bảo chất lượng**) lên Hệ thống tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

iii) Chậm nhất ngày 21/07/2024: Công bố danh sách thí sinh trúng tuyển sớm có ràng buộc điều kiện tốt nghiệp và ngưỡng đảm bảo chất lượng; cập nhật danh sách trúng tuyển sớm lên Hệ thống tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

iii) Từ ngày 22/7/2024 đến 17h00, ngày 31/07/2024: Thí sinh trúng tuyển thẳng; trúng tuyển diện 30a/NĐ-CP xác nhận nhập học trên Hệ thống tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

iv) Từ ngày 18/07/2024 đến 17h00, ngày 30/07/2024: Thí sinh trúng tuyển sớm (**trừ điều kiện tốt nghiệp THPT và điều kiện ngưỡng đảm bảo chất lượng**) thực hiện đăng ký, điều chỉnh nguyện vọng xét tuyển (**không giới hạn số lần**) trên Hệ thống tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

v) **Từ ngày 22/07/2024 đến 17h00, ngày 30/07/2024:** Thí sinh trúng tuyển sớm diện có ràng buộc điều kiện tốt nghiệp THPT và ngưỡng đảm bảo chất lượng thực hiện đăng ký, điều chỉnh nguyện vọng xét tuyển (*không giới hạn số lần*) trên Hệ thống tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

vi) **Từ ngày 19/08/2024 đến 24/08/2024:** Thí sinh nhận giấy báo trúng tuyển.

vii) **Từ ngày 19/08/2024 đến 27/08/2024:** Thí sinh nhập học theo lịch ghi trong Giấy báo trúng tuyển.

8.2. Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 (mã phương thức xét tuyển: 100)

i) **Từ ngày 18/07/2024 đến 17h00, ngày 30/07/2024:** Thí sinh đăng ký, điều chỉnh nguyện vọng xét tuyển (*không giới hạn số lần*) trong thời gian quy định và theo hình thức trực tuyến trên Hệ thống tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

ii) **Trước 17h00, ngày 21/07/2024:** Công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng vào các ngành đào tạo trên Trang thông tin điện tử của Trường (<http://education.vnu.edu.vn/>) và Trang thông tin tuyển sinh của ĐHQGHN (<http://tuyensinh.vnu.edu.vn/>).

iii) **Trước 17h00, ngày 22/07/2024:** Điều chỉnh, công bố mức điểm nhận hồ sơ xét tuyển trên Hệ thống tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

iv) **Từ ngày 31/07/2024 đến 17h00, ngày 06/08/2024:** Thí sinh nộp lệ phí xét tuyển trực tuyến theo Quy định và Hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

v) **Từ ngày 13/08/2024 đến 17h00, ngày 17/08/2024:** Tổ chức xét tuyển đợt 1.

vi) **Trước 17h00, ngày 18/08/2024:** Công bố điểm trúng tuyển đợt 1 trên Website của Trường, của ĐHQGHN và Cổng thông tin tuyển sinh của ĐHQGHN;

vii) **Trước 17h00, ngày 19/08/2024:** Thông báo thí sinh trúng tuyển (đợt 1).

viii) **Từ ngày 19/08/2024 đến 24/08/2024:** Gửi giấy báo thí sinh trúng tuyển (đợt 1).

ix) **Trước 17h00, ngày 27/08/2024:** Thí sinh xác nhận nhập học trực tuyến trên Hệ thống tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

x) **Từ ngày 19/08/2024 đến 27/08/2024:** Thí sinh nhập học theo lịch ghi trong Giấy báo trúng tuyển.

9. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

9.1. Chính sách ưu tiên theo khu vực, theo đối tượng

Chính sách ưu tiên theo đối tượng, theo khu vực thực hiện theo Quy chế tuyển sinh, Hướng dẫn tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và của ĐHQGHN, cụ thể:

9.1.1. Ưu tiên theo khu vực (Phụ lục 1 của Thông báo này)

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

b) Khu vực tuyển sinh của mỗi thí sinh được xác định theo địa điểm trường mà thí sinh đã học lâu nhất trong thời gian học cấp THPT (hoặc trung cấp); nếu thời gian học (dài nhất) tại các khu vực tương đương nhau thì xác định theo khu vực của trường mà thí sinh theo học sau cùng;

c) Các trường hợp sau đây được hưởng ưu tiên khu vực theo địa chỉ thường trú:

- Học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú được hưởng các chế độ ưu tiên, ưu đãi của Nhà nước theo quy định;

- Học sinh có nơi thường trú (trong thời gian học cấp THPT hoặc trung cấp) trên 18 tháng tại các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Thủ tướng Chính phủ; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 (theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ); các thôn, xã đặc biệt khó khăn tại các địa bàn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ nếu học cấp THPT (hoặc trung cấp) tại địa điểm thuộc huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh có ít nhất một trong các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn;

- Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân được cử đi dự tuyển, nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó hoặc theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ, tùy theo khu vực nào có mức ưu tiên cao hơn; nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại các khu vực có mức ưu tiên khác nhau thì hưởng ưu tiên theo khu vực có thời gian đóng quân dài hơn; nếu dưới 18 tháng thì hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ.

d) Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.

9.1.2. Ưu tiên theo đối tượng chính sách (Phụ lục 1 của Thông báo này)

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm;

b) Mức điểm ưu tiên cho những đối tượng chính sách khác (được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành) do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quyết định;

c) Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách quy định tại các điểm a, b khoản này chỉ được tính một mức điểm ưu tiên cao nhất.

9.1.3. Các mức điểm ưu tiên được quy định trong tuyển sinh tương ứng với tổng điểm 3 môn (trong tổ hợp môn xét tuyển) theo thang điểm 10 đối với từng môn thi (không nhân hệ số); trường hợp phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm

ưu tiên được quy đổi tương đương. Các đơn vị đào tạo quy đổi cụ thể theo nguyên tắc chung và công bố công khai trong Đề án tuyển sinh của đơn vị.

9.1.4. Đối với phương thức xét tuyển bằng kết quả thi đánh giá năng lực do ĐHQGHN; ĐHQG Tp HCM tổ chức

Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 10 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 5 điểm; Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 3,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 2,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 1,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên.

9.1.5. Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định tại khoản 1, 2 mục 9 của Thông báo này.}$$

9.2. Chính sách ưu tiên các đối tượng xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển (Điều 8, Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và Quy định đặc thù của ĐHQGHN)

a. Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào các nhóm ngành/ngành, chương trình đào tạo của Trường ĐHQG.

b. Thí sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi, cuộc thi, giải đấu cấp quốc gia hoặc quốc tế, do Bộ GD&ĐT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức cử tham gia, được xét tuyển thẳng trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc tốt nghiệp trung cấp các trường năng khiếu nghệ thuật) vào các ngành phù hợp với môn thi, nội dung đề tài hoặc nghề dự thi, thi đấu, đoạt giải; cụ thể trong các trường hợp sau:

i) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

ii) Thí sinh đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về ca, múa, nhạc, mỹ thuật được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận; thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

iii) Thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á; thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

iv) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cử đi; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

v) Thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy định cơ chế đặc thù trong tuyển sinh và đào tạo liên thông bậc THPT và bậc đại học tại ĐHQGHN. (Quyết định số 4412/QĐ-ĐHQGHN, ngày 31/12/2021 - *Phụ lục 2*);

c. HĐTS Trường căn cứ kết quả học tập cấp THPT của thí sinh và yêu cầu của ngành đào tạo để xem xét, quyết định nhận vào học những trường hợp quy định dưới đây (trường hợp cần thiết kèm theo điều kiện thí sinh phải học 01 năm bổ sung kiến thức trước khi vào học chính thức):

i) Thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định, có khả năng theo học một số ngành do đơn vị đào tạo quy định nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường;

ii) Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ;

iii) Thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú) theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

iv) Thí sinh là người nước ngoài có kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực Tiếng Việt hoặc năng lực ngoại ngữ đáp ứng quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT và của ĐHQGHN;

v) Thí sinh là người Việt Nam đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương ở nước ngoài có kết quả học tập 3 môn học bậc THPT theo tổ hợp môn xét tuyển tương ứng của ngành để học (điểm các môn học xét tuyển tương đương với yêu cầu xét tuyển thí sinh có chứng chỉ A-Level Quy định tại Đề án này) kết hợp với kiểm tra kiến thức chuyên môn và năng lực Tiếng Việt hoặc năng lực ngoại ngữ (tùy theo yêu cầu của ngành học để xét tuyển) đáp ứng quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT và của ĐHQGHN.

d. Ưu tiên xét tuyển khác đối với các trường hợp sau đây:

i) Thí sinh quy định tại khoản a, b điều này, tốt nghiệp THPT được ưu tiên xét tuyển vào các ngành theo nguyện vọng (không dùng quyền ưu tiên tuyển thẳng);

ii) Thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải tư trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế có hạnh kiểm Tốt, học lực Giỏi trở lên ở bậc THPT, tốt nghiệp THPT, đạt điểm ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với ngành/nhóm ngành đào tạo theo quy định của Bộ GD&ĐT và của

ĐHQGHN, được ưu tiên xét tuyển vào ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi đã đoạt giải; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển.

đ. Ưu tiên xét tuyển thí sinh khu vực Nam Trung Bộ và Nam Bộ: thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên, có nguyện vọng và cam kết sau khi tốt nghiệp về làm việc tại địa phương, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các khu vực Nam Trung Bộ và Nam Bộ được Ủy ban nhân dân tỉnh cử đi học theo Đề án thu hút học sinh Nam Trung Bộ và Nam Bộ tại ĐHQGHN đạt ngưỡng đầu vào, yêu cầu của ngành/chương trình đào tạo và Đề án được phê duyệt.

9.3. Danh mục các nhóm ngành/ngành đúng hoặc nhóm ngành/ngành gần với môn thi /đề tài dự thi dành cho thí sinh thuộc đối tượng xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ GDĐT (Điều 8 Quy chế tuyển sinh, theo quy định đặc thù của ĐHQGHN).

STT	Môn thi/ Đề tài dự thi	Tên nhóm ngành đúng/nhóm ngành gần	Mã nhóm ngành
1	- Toán học - Vật lý - Hóa học - Sinh học - Đề tài dự thi KHKT phù hợp	Sư phạm Toán và Khoa học Tự nhiên	GD1
2	- Ngữ văn - Lịch sử - Địa lý - Đề tài dự thi KHKT phù hợp	Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Lịch sử, Sư phạm Lịch sử - Địa lý	GD2
3	Tất cả các môn thi, đề tài dự thi	Khoa học giáo dục và khác	GD3
4		Giáo dục Tiểu học	GD4
5		Giáo dục Mầm non	GD5

Thí sinh trong đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế nếu chưa tốt nghiệp THPT sẽ được bảo lưu kết quả đến hết năm tốt nghiệp THPT.

Thí sinh đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, đoạt giải trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, nếu chưa tốt nghiệp THPT được bảo lưu đến hết năm tốt nghiệp THPT.

9.4. Tiêu chí cụ thể của từng ngành xét tuyển thẳng hoặc xét tuyển

1. Xét tuyển thẳng hoặc xét tuyển vào ngành đào tạo đại học đúng môn chuyên: Đối với học sinh THPT chuyên ở môn học hoặc đạt thành tích ở môn học, lĩnh vực nào thì được xét tuyển thẳng hoặc ưu tiên xét tuyển vào học các chương trình đào tạo đại học ngành đó khi đạt các tiêu chí xét tuyển.

2. Xét tuyển thẳng hoặc xét tuyển vào ngành đào tạo đại học không đúng môn chuyên: Học sinh THPT đăng ký xét tuyển vào các ngành đào tạo đại học không đúng ngành, lĩnh vực môn chuyên hoặc môn đạt giải được Trường xem xét sự phù hợp và lấy từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu dành cho xét tuyển thẳng. Hồ sơ dự tuyển được đánh giá theo các tiêu chí như sau:

- a) Các thành tích, giải thưởng trong học tập và nghiên cứu khoa học;
- b) Môn chuyên, lĩnh vực đạt thành tích phù hợp với khối thi vào các ngành đào tạo đại học;
- c) Môn chuyên, lĩnh vực đạt thành tích có cùng khối thi tuyển;
- d) Kết quả học tập bậc THPT;
- đ) Các thành tích đặc biệt khác;
- e) Kết quả học tập môn liên quan đến ngành học.

10. Lệ phí xét tuyển

Theo quy định của Bộ GDĐT và ĐHQGHN.

Thí sinh đăng ký xét tuyển theo phương thức (không sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT): 30.000đ/1 hồ sơ, nộp kèm hồ sơ đăng ký xét tuyển.

11. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm

Học phí phải nộp được tính theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP về “Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc Hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo”; Nghị định 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị Định 81/2021/NĐ-CP và các quy định hiện hành khác liên quan của Nhà nước và của ĐHQGHN. Học phí dự kiến năm học 2024-2025 quy theo tháng là 1.410.000 đồng/tháng, tùy theo ngành, mỗi năm học thu 10 tháng. Những năm học tiếp theo, lộ trình học phí thực hiện theo quy định của Nhà nước và của ĐHQGHN.

Sinh viên sư phạm được nhà nước hỗ trợ tiền học phí và sinh hoạt phí theo quy định tại Nghị định 116/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm. Thủ tục, tiêu chuẩn được hỗ trợ thực hiện theo quy định của Nhà nước.

Sinh viên được tiếp cận các quỹ học bổng của trường, của ĐHQGHN và của các

nhà tài trợ khác nhau với nhiều mức khác nhau.

Ngoài ra, nhà trường còn có nhiều vị trí thực tập làm bán thời gian có trả công dành cho các bạn đáp ứng tiêu chí chọn.

12. Thời gian tuyển sinh các đợt trong năm

Thời gian tuyển sinh đại học, hệ chính quy, các đợt trong năm 2024 thực hiện Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của ĐHQGHN. Trường ĐHGD đã công bố kế hoạch xét tuyển trên Cổng Thông tin điện tử của Trường tại địa chỉ:

<https://education.vnu.edu.vn/index.php/WebControl/viewnews/3046>

13. Quy trình đăng ký xét tuyển đại học năm 2024

Quy trình đăng ký xét tuyển đại học năm 2024 thực hiện Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của ĐHQGHN với các mốc thời gian được ghi tại mục 8 của Thông báo này. Quy trình đăng ký xét tuyển sẽ được cập nhật trên Cổng Thông tin điện tử của Trường tại địa chỉ:

<https://education.vnu.edu.vn/index.php/WebControl/listnews/15/0>

14. Tiếp nhận học sinh dự bị đại học

Trường ĐHGD tiếp nhận học sinh dự bị đại học thuộc các Trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương, Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc, Trường Dự bị Đại học Dân tộc Sầm Sơn.

15. Thông tin liên hệ

Họ và tên	Chức danh/ chức vụ	Số điện thoại	Email
Lê Thái Hưng	Phó Hiệu trưởng	(+84) 904328279	ltHung@vnu.edu.vn
Nguyễn Trung Kiên	Trưởng phòng	(+84) 903410412	kiennt@vnu.edu.vn
Nguyễn Bá Ngọc	Trưởng phòng	(+84) 963568859	nbngoc@vnu.edu.vn
Trần Xuân Quang	Phó trưởng phòng	(+84) 963265833	quangtx@vnu.edu.vn
Phạm Ngọc Cường	Chuyên viên	(+84) 984877644	cuongpn@vnu.edu.vn

Địa chỉ liên hệ: Phòng Đào tạo, Trường Đại học Giáo dục, ĐHQGHN, phòng 103, nhà G7, số 144, Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

- SĐT: 0247 3017 123 (nhánh 1102, Phòng Công tác Học sinh Sinh viên; nhánh 1103, Phòng Đào tạo).

- Email: phongdaotaodhgd@vnu.edu.vn

- Trang thông tin của Trường Đại học Giáo dục:

<https://education.vnu.edu.vn/index.php/WebControl/listnews/15/0>

- Trang thông tin tuyển sinh của ĐHQGHN: <https://tuyensinh.vnu.edu.vn/>
- Trang Fanpage của Trường Đại học Giáo dục:
https://www.facebook.com/education.vnu.edu.vn?locale=vi_VN

Nơi nhận:

- BCĐ TS ĐHQGHN (để b/c);
- Hội đồng Trường (để b/c);
- Hiệu trưởng (để b/c);
- HĐTS Trường (để t/h);
- Đăng Website Trường (để t/b);
- Lưu: VT, ĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

PGS.TS. Lê Thái Hưng

KHU VỰC TUYỂN SINH VÀ ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN*(Phụ lục Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022**của Bộ Giáo dục và Đào tạo)***I. PHÂN CHIA KHU VỰC TUYỂN SINH**

Khu vực	Mô tả khu vực và điều kiện
Khu vực 1 (KV1)	Các xã khu vực I, II, III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.
Khu vực 2 nông thôn (KV2-NT)	Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3;
Khu vực 2 (KV2)	Các thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; các thị xã, huyện ngoại thành của thành phố trực thuộc Trung ương (trừ các xã thuộc KV1).
Khu vực 3 (KV3)	Các quận nội thành của thành phố trực thuộc Trung ương.

II. ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

<i>Đối tượng</i>	<i>Mô tả đối tượng, điều kiện</i>
<i>Nhóm UT1</i>	
01	Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú trong thời gian học THPT hoặc trung cấp trên 18 tháng tại Khu vực 1.
02	Công nhân trực tiếp sản xuất đã làm việc liên tục 5 năm trở lên, trong đó có ít nhất 2 năm là chiến sĩ thi đua được cấp tỉnh trở lên công nhận và cấp bằng khen.
03	a) Thương binh, bệnh binh, người có "Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại Khu vực 1; c) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên; d) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân đã xuất ngũ, được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định;

<i>Đối tượng</i>	<i>Mô tả đối tượng, điều kiện</i>
04	a) Thân nhân liệt sĩ; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên; d) Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; đ) Con của người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng.
<i>Nhóm UT2</i>	
05	a) Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ dưới 12 tháng ở Khu vực 1 và dưới 18 tháng ở khu vực khác; c) Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn; Thôn đội trưởng, Trung đội trưởng Dân quân tự vệ nông cốt, Dân quân tự vệ đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ nông cốt từ 12 tháng trở lên, dự thi vào ngành Quân sự cơ sở. Thời hạn tối đa được hưởng ưu tiên là 18 tháng kể từ ngày ký quyết định xuất ngũ đến ngày ĐKXT.
06	a) Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú ở ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%.
07	a) Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định tại Thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTC-BGDDT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Tài chính và Bộ GDĐT quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện; b) Người lao động ưu tú thuộc tất cả thành phần kinh tế từ cấp tỉnh, cấp bộ trở lên được công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân, được cấp bằng hoặc huy hiệu Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; c) Giáo viên đã giảng dạy đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào các ngành đào tạo giáo viên;

<i>Đối tượng</i>	<i>Mô tả đối tượng, điều kiện</i>
	d) Y tá, dược tá, hộ lý, y sĩ, điều dưỡng viên, hộ sinh viên, kỹ thuật viên, người có bằng trung cấp Dược đã công tác đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào đúng ngành tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe.

**XÉT TUYỂN THĂNG, ƯU TIÊN XÉT TUYỂN HỌC SINH THPT
VÀO BẬC ĐẠI HỌC CỦA ĐHQGHN**

*Trích: Điều 4, Quyết định số 4412/QĐ-ĐHQGHN, ngày 31/12/2021
của Giám đốc ĐHQGHN*

Chính sách ưu tiên xét tuyển thăng, ưu tiên xét tuyển theo quy định của ĐHQGHN

1.1. Học sinh THPT tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế; trong đội tuyển quốc gia dự cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế; đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; đoạt giải nhất, nhì, ba trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia và đã tốt nghiệp THPT được xét tuyển thăng vào bậc đại học của ĐHQGHN theo ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi mà thí sinh đã đoạt giải.

1.2. Học sinh THPT trên toàn quốc:

a) Được ưu tiên xét tuyển vào bậc đại học tại ĐHQGHN nếu tốt nghiệp THPT, có lực học Giỏi, hạnh kiểm Tốt trong 3 năm học THPT và đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

(i) Đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi Olympic bậc THPT của ĐHQGHN;

(ii) Là thành viên tham gia cuộc thi tháng của chương trình “Đường lên đỉnh Olympia” do Đài truyền hình Việt Nam tổ chức hàng năm và có điểm trung bình chung học tập bậc THPT đạt từ 8,5 trở lên;

(iii) Đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương có môn đạt giải thuộc tổ hợp xét tuyển hoặc môn đạt giải phù hợp với ngành đào tạo và điểm trung bình chung học tập bậc THPT đạt từ 8,5 trở lên.

b) Được xem xét tuyển thăng vào các ngành Khoa học cơ bản của ĐHQGHN phù hợp với môn thi nếu tốt nghiệp THPT, có lực học Giỏi, hạnh kiểm Tốt trong 3 năm học THPT và đáp ứng các tiêu chí (i), (ii) khoản a) mục 1.2.

Thí sinh đạt giải trong các năm học ở bậc THPT được bảo lưu kết quả khi đăng ký xét tuyển vào bậc đại học tại ĐHQGHN.

1.3. Ngoài mục 1.1; 1.2, học sinh THPT hệ chuyên thuộc ĐHQGHN và hệ chuyên/lớp chuyên của các trường THPT chuyên cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các trường THPT trọng điểm quốc gia được **xét tuyển thăng** vào bậc đại học tại ĐHQGHN theo ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi mà thí sinh đã đoạt giải nếu tốt nghiệp THPT, có hạnh kiểm 3 năm học THPT đạt loại Tốt và đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

a) Đạt giải chính thức trong các kỳ thi sáng tạo, triển lãm khoa học kỹ thuật khu vực, quốc tế;

- b) Đạt giải chính thức trong các kỳ thi Olympic bậc THPT của ĐHQGHN;
- c) Đạt giải chính thức trong kỳ thi chọn học sinh giỏi bậc THPT cấp ĐHQGHN;

1.4. Ngoài mục 1.2; 1.3, học sinh hệ không chuyên của các Trường THPT thuộc ĐHQGHN được **ưu tiên xét tuyển** vào bậc đại học tại ĐHQGHN phải tốt nghiệp THPT, có học lực Giỏi, hạnh kiểm Tốt trong 3 năm học THPT và đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

a) Đạt giải chính thức trong các kỳ thi sáng tạo, triển lãm khoa học kỹ thuật khu vực, quốc tế;

b) Đạt giải chính thức trong kỳ thi chọn học sinh giỏi bậc THPT cấp ĐHQGHN;

c) Có kết quả thi ĐGNL học sinh THPT năm 2024 do ĐHQGHN tổ chức đạt tối thiểu 90 điểm (thang điểm 150);

d) Có kết quả thi ĐGNL học sinh THPT năm 2024 do ĐHQGHN TPHCM tổ chức đạt tối thiểu 750 điểm (thang điểm 1200);

Các thí sinh diện ưu tiên xét tuyển phải có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của ngành/nhóm ngành/CTĐT trong năm tuyển sinh (theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của ĐHQGHN).

1.5. Thí sinh không dùng quyền xét tuyển thẳng được ưu tiên xét tuyển nếu đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của ngành/nhóm ngành/CTĐT trong năm tuyển sinh.

**BẢNG QUY ĐỔI ĐIỂM CHỨNG CHỈ QUỐC TẾ
SANG THANG ĐIỂM 10**

**(Phục vụ xét tuyển theo phương thức kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với
chứng chỉ quốc tế, mã 409)**

STT	Trình độ Tiếng Anh		Quy đổi điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo thang điểm 10
	IELTS	TOEFL iBT	
1	5,5	72-78	8,50
2	6,0	79-87	9,00
3	6.5	88-95	9,25
4	7,0	96-101	9,50
5	7,5	102-109	9,75
6	8,0-9,0	110-120	10,00

Phụ lục 3b.

CÁC CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ SỬ DỤNG TRONG TUYỂN SINH ĐẠI HỌC
(Phục vụ xét tuyển theo phương thức kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với
chứng chỉ quốc tế, mã 409)

Môn Ngoại ngữ	Chứng chỉ đạt yêu cầu tối thiểu	Đơn vị cấp chứng chỉ
Tiếng Anh	IELTS 5.5 điểm	- British Council (BC) - International Development Program (IDP)
	TOEFL iBT 72 điểm	Educational Testing Service (ETS)
Tiếng Nga	TRKI-2	Trung tâm Khoa học và Văn hóa Nga tại Hà Nội (The Russian centre of science and culture in Hanoi)
Tiếng Pháp	- TCF 350 điểm - DELF B2	Trung tâm Nghiên cứu Sư phạm quốc tế (Centre International d'Etudes Pedagogiques - CIEP)
Tiếng Trung Quốc	- HSK cấp độ 4	- Văn phòng Hán ngữ đối ngoại Trung Quốc (Hanban); Ủy ban Khảo thí trình độ Hán ngữ quốc gia (The National Committee for the Test of Proficiency in Chinese) - Ủy ban Công tác Thúc đẩy Kỳ thi Năng lực Hoa ngữ Quốc gia (Steering Committee for the Test Of Proficiency-Huayu)
Tiếng Đức	- DSH B2 - TestDaF B2 - Goethe-Zertifikat B2 - DSD B2 - TELC B2 - ÖSD Zertifikat B2	- Các trường đại học Đức - Viện TestDaF - Viện Goethe (Goethe-Institut) - KMK (Hội đồng Bộ trưởng văn hóa, giáo dục của Liên bang và các bang CHLB Đức) - TELC B2 (TELC GmbH) - Hiệp hội ÖSD (Cộng hòa Áo)
Tiếng Nhật	JLPT cấp độ N3	Quỹ Giao lưu Quốc tế Nhật Bản (Japan Foundation)
Tiếng Hàn	TOPIK II cấp độ 4	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc (KICE)

Phụ lục 4.

**DANH MỤC CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH
ĐƯỢC QUY ĐỔI THEO THANG ĐIỂM 10
THAY CHO ĐIỂM MÔN TIẾNG ANH TRONG TỔ HỢP A01; D01; D14; D15
CỦA PHƯƠNG THỨC SỬ DỤNG KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP THPT
ĐỂ XÉT TUYỂN**
*(Phục vụ xét tuyển theo phương thức xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT,
mã 100)*

Danh mục chứng chỉ ngoại ngữ hợp lệ được sử dụng để quy đổi sang điểm môn Tiếng Anh trong tổ hợp xét tuyển D01; A01; D14; D15 phục vụ xét tuyển đại học theo phương thức sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 để xét tuyển cần đảm bảo các yêu cầu:

- Là danh mục chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh đủ 4 kỹ năng
- Trường ĐHGĐ không chấp nhận các chứng chỉ ngoại ngữ thi online.
- Chứng chỉ còn giá trị sử dụng (24 tháng kể từ ngày thi chứng chỉ) và được nhà trường xác minh là hợp lệ trước khi xét tuyển.
- Có khai báo khi đăng ký xét tuyển trên Hệ thống tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

Danh mục chứng chỉ ngoại ngữ được quy đổi theo thang điểm 10 thay cho điểm môn Tiếng Anh trong tổ hợp A01; D01 của phương thức sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT để xét tuyển, bao gồm:

CEFR/ KNLNNVN	VSTEP.3- 5	IELTS	TOEFL iBT	CAMBRIDGE	APTIS ESOL	Thang 10
B1/Bậc 3	4.5	4.5	53	B1 Preliminary: 140 B2 First: 140 B1 Business Preliminary: 140 B2 Business Vantage: 140	130	8.0
B2/Bậc 4	6.0	5.5	65	B1 Preliminary: 160 B2 First: 160 C1 Advanced: 160 B1 Business Preliminary: 160 B2 Business Vantage: 160 C1 Business Higher: 160	153	8.5
B2/Bậc 4	7.0	6.0	71	B2 First: 168 C1 Advanced: 168 B2 Business Vantage: 168	163	9.0

CEFR/ KNLNNVN	VSTEP.3- 5	IELTS	TOEFL iBT	CAMBRIDGE	APTIS ESOL	Thang 10
				C1 Business Higher: 168		
B2/Bậc 4	8.0	6.5	75	B2 First: 170 C1 Advanced: 170 B2 Business Vantage: 170 C1 Business Higher: 170	173	9.5
C1/Bậc 5	≥ 8.5	≥ 7.0	≥ 79	B2 First: 180 C1 Advanced: 180 C2 Proficiency: 180 B2 Business Vantage: 180 C1 Business Higher: 180	≥ 184	10

PHÂN NGÀNH CHO SINH VIÊN NHÓM NGÀNH GD1; GD2; GD3 SAU KHI KẾT THÚC HAI HỌC KỲ CHÍNH CỦA NĂM HỌC THỨ NHẤT

Sau hai học kỳ chính của năm thứ nhất, Trường xét phân ngành cho sinh viên nhóm ngành GD1, GD2, GD3 dựa trên các căn cứ:

Điều kiện để được phân ngành: Học đủ số học phần theo kế hoạch học tập của Trường. Trường hợp không học học phần nào, phải có lý do chính đáng và báo cáo trong quá trình học tập. Trường hợp này sẽ không tính điểm và tín chỉ học phần đó. Nếu sinh viên không có điểm và không có lý do chính đáng, những học phần đó sẽ được tính là 0 (không điểm) để tính điểm trung bình chung xét phân ngành. Trường hợp học phần có học phần tiên quyết, nhưng sinh viên chưa học học phần tiên quyết (do phần mềm không lọc hết), nhưng đã học và có điểm cho học phần sau, thì sẽ không tính cho điểm và tín chỉ cho cả 2 học phần.

Phương pháp thực hiện

- Sinh viên đăng ký nguyện vọng vào cuối học kỳ 2 năm thứ nhất (sau khi có điểm tất cả các môn năm thứ nhất).

- Công thức tính điểm xét phân ngành (ĐXPN) như sau:

$$\text{ĐXPN} = \frac{\text{ĐTHPT}_{2024}}{3} \cdot 0,5 + \text{TBC} \cdot 0,5, \text{ trong đó:}$$

+/ ĐTHPT 2024 (điểm thi trung học phổ thông năm 2024): Là tổng điểm của tổ hợp môn thi/bài thi tốt nghiệp THPT năm 2024 được sinh viên sử dụng để đăng ký xét tuyển và trúng tuyển vào Trường ĐHGĐ hoặc hoặc điểm quy đổi về thang điểm 30 đối với thí sinh trúng tuyển và nhập học vào trường theo các phương thức xét tuyển khác (ngoài phương thức sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT).

+/ TBC: Là điểm trung bình chung có trọng số theo tín chỉ (tính theo thang điểm 10) của năm thứ nhất (không kể học phần giáo dục thể chất, học phần ngoại ngữ), điểm của học phần chuyên môn của ngành sinh viên đăng ký nguyện vọng được nhân hệ số 2.

- **Yêu cầu:** Điểm của học phần chuyên môn không thấp hơn 4,0 (thang điểm 10).

Danh sách các học phần chuyên môn xét phân ngành:

STT	Ngành	Học phần chuyên môn	Ghi chú
1	Sư phạm Toán	Giải tích 1	
2	Sư phạm Vật lý	Cơ nhiệt	
3	Sư phạm Hóa học	Hóa học đại cương 1	

STT	Ngành	Học phần chuyên môn	Ghi chú
4	Sư phạm Sinh học	Sinh học đại cương	
5	Sư phạm Khoa học Tự nhiên	Cơ nhiệt Hóa học đại cương 1 Sinh học đại cương	Kết quả học tập học phần chuyên môn là điểm trung bình chung của ba học phần.
6	Sư phạm Ngữ văn	Dẫn luận ngôn ngữ	
7	Sư phạm Lịch sử	Tiến trình văn minh nhân loại	
8	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	Địa lý kinh tế-xã hội Việt Nam	
9	Quản trị trường học	Nhập môn khoa học quản lý trong giáo dục	
10	Quản trị công nghệ giáo dục	Nhập môn công nghệ giáo dục	
11	Quản trị chất lượng giáo dục	Nhập môn đo lường và đánh giá trong giáo dục	
12	Tham vấn học đường	Tâm lý học giáo dục	
13	Khoa học giáo dục	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	
14	Tâm lý học (chuyên ngành Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên)	Tâm lý học giáo dục	

Nguyên tắc phân ngành

Lấy từ trên xuống theo ĐXPĐ, theo chỉ tiêu của ngành đã được Bộ GDĐT và ĐHQGHN phê duyệt. Khi sinh viên không đạt được xét phân ngành theo nguyện vọng 1 sẽ được xét đến nguyện vọng 2, 3, v.v. và tương ứng với chỉ tiêu ngành theo nguyện vọng.

- Điểm học phần sử dụng để tính ĐXPĐ là điểm thi lần 1, không tính điểm học lại và điểm học cải thiện. Những học phần có đòi hỏi học phần tiên quyết sẽ không tính vào ĐXPĐ nếu điểm của học phần tiên quyết nhỏ hơn 4.00 (điểm của học phần tiên quyết vẫn sử dụng để tính ĐXPĐ). Những học phần không đòi hỏi học phần tiên quyết mà không có điểm sẽ được tính điểm 0.00 khi tính ĐXPĐ.

- Sinh viên đạt tiêu chí và được phân ngành vào nguyện vọng trước sẽ không được chuyển sang ngành có nguyện vọng sau hoặc ngược lại.

- Trường hợp sinh viên không đăng ký hoặc không được xét vào ngành đã đăng ký thì sẽ được phân vào những ngành phù hợp, còn chỉ tiêu.

- Sinh viên trúng tuyển theo diện xét tuyển thẳng được ưu tiên xét phân vào ngành phù hợp với điều kiện khi đăng ký xét tuyển thẳng./.

Phụ lục 6.**CÁC BIỂU MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THẲNG, XÉT TUYỂN SỚM**

STT	Mẫu phụ lục	Tên phụ lục	Mã phương thức xét tuyển
1	Phụ lục 6a	Đơn đăng ký xét tuyển thẳng (Điều 8 QC tuyển sinh của Bộ). <i>Lưu ý:</i> Thí sinh nghiên cứu kỹ mục 3; mục 7 và mục 8 trước khi nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển.	301
2	Phụ lục 6b	Đơn đăng ký xét tuyển 30a/NĐ-CP. <i>Lưu ý:</i> Thí sinh nộp hồ sơ theo đơn vị đào tạo dự bị dân tộc.	301
3	Phụ lục 6c	Đơn đăng ký xét tuyển thẳng (theo Quy định của ĐHQGHN). <i>Lưu ý:</i> Thí sinh nghiên cứu kỹ mục 3; mục 7 và Phụ lục 2 trước nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển.	303
4	Phụ lục 6d	Đơn đăng ký ưu tiên xét tuyển. <i>Lưu ý:</i> Thí sinh nghiên cứu kỹ mục 3; mục 7 và mục 8; phụ lục 2 trước khi nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển.	500
5	Phụ lục 6e	Đơn đăng ký xét tuyển theo A-Level. <i>Lưu ý:</i> Thí sinh nghiên cứu kỹ mục 3; mục 7 trước khi làm hồ sơ đăng ký xét tuyển	408
6	Phụ lục 6f	Đơn đăng ký xét tuyển theo SAT <i>Lưu ý:</i> Thí sinh nghiên cứu kỹ mục 3; mục 7 trước khi nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển.	408
7	Phụ lục 6g	Đơn đăng ký xét tuyển theo ACT <i>Lưu ý:</i> Thí sinh nghiên cứu kỹ mục 3; mục 7 trước khi nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển.	408
8	Phụ lục 6h	Đơn đăng ký xét tuyển theo phương thức kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế (IELTS;...). <i>Lưu ý:</i> Thí sinh nghiên cứu kỹ mục 3; mục 7; Phụ lục 3a; Phụ lục 3b trước khi nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển.	409
9	Phụ lục 6i	Đơn đăng ký xét tuyển theo phương thức sử dụng kết quả thi ĐGNL (của ĐHQGHN; ĐHQG Tp HCM). <i>Lưu ý:</i> Thí sinh nghiên cứu kỹ mục 3; mục 7 trước khi làm hồ sơ đăng ký xét tuyển.	401; 402

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG
VÀO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024**
(Sử dụng cho thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng
theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh của Bộ)

Ảnh 4x6

1. **Họ và tên thí sinh** (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)

..... **Giới** (nữ ghi 1, nam ghi 0)

2. **Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh:**

(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)

ngày

tháng

năm

3. **Số CMND** (như hồ sơ đăng ký dự thi)

4. **Điện thoại** (như hồ sơ đăng ký dự thi): **Email:**

5. **Nơi sinh** (tỉnh, thành phố):

6. **Năm tốt nghiệp THPT** 7. **Năm đoạt giải:**

8. **Môn đoạt giải, loại giải, huy chương**

Môn đoạt giải

Loại giải, loại huy chương

9. Trong đội tuyển Olympic khu vực và quốc tế năm 202... môn:

10. **Đăng ký xét tuyển thẳng vào trường/ngành học:**

Số TT	Mã trường (chữ in hoa)	Mã nhóm ngành	Tên nhóm ngành
1			
2			
3			
...			

11. **Địa chỉ báo tin:**

.....
.....
.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh

Ngày tháng năm 2024

lớp 12 trường

Họ và tên, chữ ký của thí sinh

..... đã khai

đúng sự thật.

Ngày tháng năm 2024

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN 30a/NĐ-CP
VÀO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024**
(Sử dụng cho thí sinh thuộc diện xét tuyển
theo Nghị định 30a/NĐ-CP)

Ảnh 4x6

1. **Họ và tên thí sinh** (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)
..... (nữ ghi 1, nam ghi 0)

Giới ☐

2. **Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh**

(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)
..... ngày tháng năm

3. **Số CMND** (như hồ sơ đăng ký dự thi)

4. **Điện thoại** (như hồ sơ đăng ký dự thi): **Email:**

5. **Hộ khẩu thường trú** (Ghi rõ xã, huyện, tỉnh)
.....
.....

6. **Dân tộc:**

7. **Nơi học THPT hoặc tương đương:**

- Năm lớp 10: Học lực:

- Năm lớp 11: Học lực:

- Năm lớp 12: Học lực:

8. **Năm tốt nghiệp THPT:**

9. **Đăng ký xét tuyển thẳng vào trường/ngành học:**

Số TT	Mã trường (chữ in hoa)	Mã nhóm ngành	Tên nhóm ngành
1			
2			
3			
.....			

10. **Địa chỉ báo tin:**

.....
.....
.....

Điện thoại: Email:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp Ngày tháng năm 202...

12 trường..... **Họ và tên, Chữ ký của thí sinh**

đã khai đúng sự thật.

Ngày tháng năm 202...

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG
VÀO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024**

(Dành cho đối tượng xét tuyển thăng theo quy định của ĐHQGHN)

Ảnh 4x6

1. Họ và tên thí sinh (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)

..... (nữ ghi 1, nam ghi

0) **Giới**

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh

(Nếu ngày và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)

----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------

ngày

tháng

năm

3. Số CMND/CCCD (như hồ sơ đăng ký dự thi:

----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------

4. Hộ khẩu thường trú (ghi rõ xã/phường, huyện/quận, tỉnh/TP):

5. Thông tin về quá trình học tập tại trường THPT (tên trường, học lực, hạnh kiểm):

- Lớp 10: Hạnh kiểm: TBCHT: HKI.....HKII.....

- Lớp 11: Hạnh kiểm: TBCHT: HKI.....HKII.....

- Lớp 12: Hạnh kiểm: TBCHT: HKI.....HKII.....

- Học sinh hệ chuyên: Tên môn/lớp/khối chuyên:.....

6. Môn đoạt giải, loại giải, huy chương:

Cấp đoạt giải: Olympic Quốc gia: ĐHQGHN Tỉnh/TP

Môn đoạt giải: Loại giải:

7. Đăng ký xét tuyển thăng vào trường/ngành học (xếp theo thứ tự ưu tiên):

Thứ tự ưu tiên	Mã trường	Mã nhóm ngành	Tên nhóm ngành
1	QHS		
2	QHS		

8. Địa chỉ báo tin:

Điện thoại:.....Email:.....

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp 12ngày..... tháng.....năm 202...

Trường.....

đã khai đúng sự thật.

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

Thí sinh

(Ký và ghi rõ họ tên)

**PHIẾU ĐĂNG KÝ ƯU TIÊN XÉT TUYỂN
VÀO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024**

(Sử dụng cho thí sinh đăng ký ưu tiên xét tuyển)

Ảnh 4x6

1. Họ và tên thí sinh (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)

..... (nữ ghi 1, nam ghi 0)

Giới ☐

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh

(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)

ngày

tháng

năm

3. Số CMND (như hồ sơ đăng ký dự thi)

4. Điện thoại (như hồ sơ đăng ký dự thi): **Email:**

5. Nơi sinh (ghi tỉnh, thành phố)

6. Môn đoạt giải: **Loại giải, huy chương:**

7. Năm đoạt giải: **8. Năm tốt nghiệp THPT:**

9. Đăng ký ưu tiên xét tuyển (ghi như hồ sơ đăng ký dự thi):

Số TT	Mã trường (chữ in hoa)	Mã nhóm ngành	Tên nhóm ngành
1			
2			
3			
...			
...			

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh
lớp 12 trường

..... đã khai

đúng sự thật.

Ngày tháng năm 202..

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm 2024

Họ và tên, Chữ ký của thí sinh

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số hồ sơ (cán bộ tuyển sinh ghi)

Ngày nhận

ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024

(Dùng cho thí sinh sử dụng chứng chỉ A-Level để xét tuyển vào ĐHQGHN)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên thí sinh (viết hoa): 2. Giới tính:
3. Email: 4. Ngày, tháng, năm sinh:/...../.....
5. Nơi sinh: 6. Dân tộc:
7. Số Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân:
8. Nơi học trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương
- Năm lớp 10: Năm lớp 11:
- Năm lớp 12: Năm tốt nghiệp THPT:.....
9. Hộ khẩu thường trú trong thời gian học THPT:
- Tỉnh/Thành:, Quận/Huyện/Thị xã:....., Xã/TT/Phường:

B. KẾT QUẢ CHỨNG CHỈ A - LEVEL CỦA TRUNG TÂM KHẢO THÍ ĐẠI HỌC CAMBRIDGE

10. Năm thi:..... 11. Tổ hợp các môn thi xét tuyển (Kê khai điểm thi 3 môn tổ hợp theo nhóm ngành ĐKXT)

Môn thi	Điểm thi	Tổng điểm
1) Toán		
2) Vật lý		
3) Hóa học		
4) Sinh học		
5) Ngữ văn		
6) Lịch sử		
7)		

C. ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN

12. Trường Đại học Giáo dục

Nguyện vọng 1: Nhóm ngành học 1: Mã nhóm ngành:.....

Nguyện vọng 2: Nhóm ngành học 2: Mã nhóm ngành:.....

- D. LỆ PHÍ: 30.000 đồng/hồ sơ, gửi kèm theo Phiếu ĐKXT tới HĐTS của Trường ĐHQGHN (phòng 103, nhà G7, Trường Đại học Giáo dục, số 144, Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội).

E. THÔNG TIN LIÊN LẠC

13. Họ và tên:..... 14. Điện thoại:.....
15. Địa chỉ:.....

Tôi xin cam đoan những thông tin trên là đúng và cam kết thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh đại học trình độ đại học hiện hành của Bộ GDĐT và Hướng dẫn tuyển sinh đại học chính quy năm 2024 của ĐHQGHN. Nếu có sai sót, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước HĐTS và pháp luật./.

Ngày tháng năm 202..

NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN

(ký và ghi đầy đủ họ tên)

Số hồ sơ (cán bộ tuyển sinh ghi)
Ngày nhận

ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024

(Dùng cho thí sinh sử dụng chứng chỉ quốc tế SAT để xét tuyển vào ĐHQGHN)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên thí sinh (viết hoa): 2. Giới tính:
3. Email: 4. Ngày, tháng, năm sinh:/...../.....
5. Nơi sinh: 6. Dân tộc:
7. Số chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân:
8. Nơi học trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương
Năm lớp 10: Năm lớp 11:
Năm lớp 12: Năm tốt nghiệp THPT:.....
9. Hộ khẩu thường trú trong thời gian học THPT:
Tỉnh/Thành:, Quận/Huyện/Thị xã:....., Xã/TT/Phường:

B. KẾT QUẢ KỲ THI CHUẨN HÓA SAT - Scholastic Assessment Test

10. Năm thi:
11. Kết quả thi:

C. ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN

12. Trường Đại học Giáo dục
 Nguyện vọng 1: Nhóm ngành học 1: Mã nhóm ngành:.....
 Nguyện vọng 2: Nhóm ngành học 2: Mã nhóm ngành:.....

D. LỆ PHÍ: 30.000 đồng/hồ sơ, gửi kèm theo Phiếu ĐKXT tới HĐTS của Trường ĐHQGHN (phòng 103, nhà G7, Trường Đại học Giáo dục, số 144, Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội).

E. THÔNG TIN LIÊN LẠC

13. Họ và tên:.....
14. Điện thoại:..... Email:
15. Địa chỉ:.....
.....
.....

Tôi xin cam đoan những thông tin trên là đúng và cam kết thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh đại học trình độ đại học hiện hành của Bộ GDĐT và Hướng dẫn tuyển sinh đại học chính quy năm 2024 của ĐHQGHN. Nếu có sai sót, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước HĐTS và pháp luật.

Ngày tháng năm 202...
NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN
(ký và ghi đầy đủ họ tên)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số hồ sơ (cán bộ tuyển sinh ghi)
Ngày nhận

ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024

(Dùng cho thí sinh sử dụng chứng chỉ quốc tế ACT để xét tuyển vào ĐHQGHN)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên thí sinh (viết hoa): 2. Giới tính:
3. Email: 4. Ngày, tháng, năm sinh:/...../.....
5. Nơi sinh: 6. Dân tộc:
7. Số chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân:
8. Nơi học trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương
Năm lớp 10: Năm lớp 11:
Năm lớp 12: Năm tốt nghiệp THPT:.....
9. Hộ khẩu thường trú trong thời gian học THPT:
Tỉnh/Thành:, Quận/Huyện/Thị xã:, Xã/TT/Phường:

B. KẾT QUẢ KỲ THI CHUẨN HÓA ACT - American College Testing

10. Năm thi:
11. Kết quả thi:
(trong đó, điểm môn Toán (Mathematics): điểm môn Khoa học (Science):)

C. ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN

12. Trường Đại học Giáo dục
Nguyện vọng 1: Nhóm ngành học 1: Mã nhóm ngành:.....
Nguyện vọng 2: Nhóm ngành học 2: Mã nhóm ngành:.....

D. LỆ PHÍ: 30.000 đồng/hồ sơ, gửi kèm theo Phiếu ĐKXT tới HĐTS của Trường ĐHQGHN (phòng 103, nhà G7, Trường Đại học Giáo dục, số 144, Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội).

E. THÔNG TIN LIÊN LẠC

13. Họ và tên:.....
14. Điện thoại:..... Email:
15. Địa chỉ:.....
.....
.....

Tôi xin cam đoan những thông tin trên là đúng và cam kết thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh đại học trình độ đại học hiện hành của Bộ GDĐT và Hướng dẫn tuyển sinh đại học chính quy năm 2024 của ĐHQGHN. Nếu có sai sót, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước HĐTS và pháp luật.

Ngày tháng năm 2024
NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN
(ký và ghi đầy đủ họ tên)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số hồ sơ (cán bộ tuyển sinh ghi)
Ngày nhận

ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024
(Dùng cho thí sinh xét tuyển kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT
với chứng chỉ Quốc tế IELTS hoặc tương đương)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên thí sinh (viết hoa): 2. Giới tính:
3. Email: 4. Ngày, tháng, năm sinh:/...../.....
5. Nơi sinh: 6. Dân tộc:
7. Số chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân:
8. Nơi học trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương
Năm lớp 10: Năm lớp 11:
Năm lớp 12: Năm tốt nghiệp THPT:.....
9. Hộ khẩu thường trú trong thời gian học THPT:
Tỉnh/Thành:, Quận/Huyện/Thị xã:, Xã/TT/Phường:

B. KẾT QUẢ KỲ THI TN THPT năm 2024 và kết quả chứng chỉ QT (IELTS;...)

10. Môn 1 (Toán, nếu có): 11. Môn 2 (....., nếu có):
12. Kết quả IELTS (hoặc CC QT tương đương):
13. Ngày thi IELTS (hoặc CC QT tương đương):.....

C. ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN

14. Trường Đại học Giáo dục
Nguyện vọng 1: Nhóm ngành học 1: Mã nhóm ngành:.....
Nguyện vọng 2: Nhóm ngành học 2: Mã nhóm ngành:.....

D. LỆ PHÍ 30.000 đồng/hồ sơ, gửi kèm theo Phiếu ĐKXT tới HĐTS của Trường ĐHQGHN (phòng 103, nhà G7, Trường Đại học Giáo dục, số 144, Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội).

E. THÔNG TIN LIÊN LẠC

15. Họ và tên:.....
16. Điện thoại:..... Email:
17. Địa chỉ:.....
.....
.....

Tôi xin cam đoan những thông tin trên là đúng và cam kết thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh đại học trình độ đại học hiện hành của Bộ GDĐT và Hướng dẫn tuyển sinh đại học chính quy năm 2024 của ĐHQGHN. Nếu có sai sót, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước HĐTS và pháp luật.

Ngày tháng năm 202...
NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN
(ký và ghi đầy đủ họ tên)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số hồ sơ (cán bộ tuyển sinh ghi)
Ngày nhận

ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024
(Dùng cho thí sinh sử dụng kết quả thi ĐGNL để xét tuyển vào ĐHQGHN)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên thí sinh (viết hoa): 2. Giới tính:
3. Email: 4. Ngày, tháng, năm sinh:/...../.....
5. Nơi sinh: 6. Dân tộc:
7. Số chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân:
8. Nơi học trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương
Năm lớp 10: Năm lớp 11:
Năm lớp 12: Năm tốt nghiệp THPT:.....
9. Hộ khẩu thường trú trong thời gian học THPT:
Tỉnh/Thành:, Quận/Huyện/Thị xã:, Xã/TT/Phường:

B. KẾT QUẢ KỲ THI TN THPT năm 2024 và kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN

10. Môn 1 (Toán, nếu có): 11. Môn 2 (....., nếu có):
12. Kết quả thi ĐGNL :
13. Ngày thi ĐGNL:.....

C. ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN

14. Trường Đại học Giáo dục
Nguyện vọng 1: Nhóm ngành học 1: Mã nhóm ngành:.....
Nguyện vọng 2: Nhóm ngành học 2: Mã nhóm ngành:.....

D. LỆ PHÍ 30.000 đồng/hồ sơ, gửi kèm theo Phiếu ĐKXT tới HĐTS của Trường ĐHQGHN (phòng 103, nhà G7, Trường Đại học Giáo dục, số 144, Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội).

E. THÔNG TIN LIÊN LẠC

15. Họ và tên:.....
16. Điện thoại:..... Email:
17. Địa chỉ:.....
.....
.....

Tôi xin cam đoan những thông tin trên là đúng và cam kết thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh đại học trình độ đại học hiện hành của Bộ GDĐT và Hướng dẫn tuyển sinh đại học chính quy năm 2024 của ĐHQGHN. Nếu có sai sót, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước HĐTS và pháp luật.

Ngày tháng năm 202...
NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN
(ký và ghi đầy đủ họ tên)